

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2023

(V/v: Ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thủy; Ông Phan Văn Sân

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Cao Thị Hoá - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:**

Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 29/9/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 95/2023/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tấn Thị Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Tấn A P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2023, Biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tấn Thị Đ trình bày: Chị Tấn Thị Đ và anh Phàn A P được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 1997 không có đăng ký kết hôn, chung sống trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không hòa hợp. Anh chị ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng anh chị không cùng quan điểm sống và cũng không chia sẻ buồn vui với nhau. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Phàn A P. Về con chung: Chị Tấn Thị Đ và anh Phàn A P có 02 con chung là Phàn A S sinh năm 1998, Phàn A L, sinh năm 2000

các cháu đã thành niên và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2023 bị đơn anh Tần A P trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Đ đúng như chị Đ đã trình bày, anh P và chị Đ đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Tần A P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa Tòa án nhân dân huyện Tam Đường và chính quyền địa phương xã Hxác định: Chị Tần Thị Đ và anh Tần A P chung sống như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Chị Đ và anh P sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Chị Tần Thị Đ và anh Tần A P chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do đó Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị Tần Thị Đ, anh Tần A P, tại phiên tòa hôm nay chị Tần Thị Đ, anh Tần A P vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như các văn bản pháp lý L quan. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tần Thị Đ và anh Tần A P. Về con chung: không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay

chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn Tần A P cư trú tại Bản C, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tần Thị Đ và anh Tần A P chung sống với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Tần Thị Đ và anh Tần A P là hôn nhân không hợp pháp, đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi lấy nhau chị Đ và anh P chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 chị Đ và anh P phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay Chị Tần Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tần A P. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ, anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh P là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ, anh P.

[3]. Việc nuôi con: Chị Tần Thị Đ và anh Tần A P có 02 con chung là Phan A S sinh năm 1998, Phan A L, sinh năm 2000 các cháu đã thành niên và đã lập gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Tần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên***

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội của Quốc hội và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tần Thị Đ.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Tần Thị Đ và anh Tần A P.
3. Việc nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Nguyên đơn Tần Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, chị Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2021/0001138 ngày 15/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay số tiền đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên HĐXX**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**













**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**